

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH SỞ

QUYỂN 26

PHẨM 23: SỰ TỬ HỔNG (PHẦN 3)

Đầu quyển là đoạn ba nói về buộc và thoát. Chúng sinh tuy đều có Phật tánh, nhưng bị các hoặc che lấp, nên chẳng thấy, cần phải tu tập muôn hạnh, sinh giải, dứt hoặc thì lý Phật tánh mới hiện. Vì thế mới nói về buộc và thoát.

Toàn văn có ba phen hỏi đáp. Phen thứ nhất, về hỏi, gồm có hai phần là lãnh chỉ và nói không có.

Kế là từ câu: “Năm ấm này v.v...” trở xuống là dùng sinh diệt để hỏi. Nếu chánh tánh bất sinh bất diệt thì không buộc không mở; như duyên nhân niệm niệm chẳng dừng trụ lại cũng chẳng có buộc mở. Tánh thế của hoặc này thoát khởi thoát diệt, làm sao trói buộc chúng sinh? Đã không buộc thì cũng không có mở. Gồm có pháp, dụ và hợp.

Lời đáp có hai: Một, là khuyên nghe và hứa đáp.

Kế là chánh đáp. Lại có hai phần: Trước nói về buộc, sau nói về mở. Nói về buộc có ba ý: Một là Tử ấm, hai là Trung ấm, ba là Sinh ấm; trong văn nói Tử ấm lại có pháp, dụ và hợp. Thứ nhất là pháp thuyết, như văn kinh ghi.

Mặt trời lặn về Tây, ánh sáng sắp tắt của mặt trời chiếu về Đông, chẳng bao giờ trở về Đông, mạng người sắp hết, tuy còn chút khí lực, nhưng chẳng thể sống lại. Năm ấm này diệt rồi, thì năm ấm sau lại tiếp tục sinh. Đây là dùng tử để nói sinh.

Từ câu: “Nghịch quả v.v...” trở xuống là hợp dụ. Trước là chánh hợp dụ.

Thứ hai, lại dẫn dụ để chứng minh.

Từ câu: “Như ấn sấp v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói về Trung ấm. Có dụ và hợp.

Sấp dụ cho Tử ấm, đất sét dụ cho Trung ấm, ấn hoại dấu hiện dụ cho Tử ấm diệt thì Trung ấm liền sinh. Dấu chẳng phải từ đất xuất

hiện tức thân này chẳng từ Trung ấm sinh, chẳng phải không có nhân, cũng chẳng phải từ nơi khác đến, chỉ nhờ vào Tử ấm diệt mà xuất hiện. Chẳng thể tìm được nơi chốn của nó, chỉ do nhân duyên mà có.

Hỏi: Có trường hợp nào chẳng thọ thân Trung ấm hay chẳng?

Đáp: Nói chung thì đều có thọ, như Đại Lý Tự (ngục) phán định hình án; Trung ấm cũng giống như thế, phán định thiện ác, nếu ác thì đọa, thiện thì thăng cao. Nếu nói riêng thì tùy theo thiện ác mạnh, như gây ra năm tội nghịch thì đọa thẳng vào địa ngục, thực hành mười điều lành thì sinh thẳng lên cõi trời, như mũi tên rời khỏi tay liền đến phương kia, vì thế chẳng nói về Trung ấm.

Từ câu: “Ấm hiện tại diệt v.v...” trở xuống là hợp dụ: Thứ nhất là chánh hợp, kế là nói hai loại mắt, ba là nói về thức ăn. Thứ nhất lại có hai ý: Đầu tiên là chánh pháp.

Nêu dụ để hợp dụ.

Thứ hai là phân biệt hai thứ mắt, ba loại thức ăn.

Không có Sủy thực, là đã thay đổi báo thân thì đâu có cơm để nắm thành viên. Đã có tướng ấm thì có tư thực, có thân nên có xúc thực, có ý nên có thức thực. Trong luận Câu-xá có nói rộng về Trung ấm v.v... Người xưa có nói về chương Tứ Thực, nhưng ở đây thì không quan trọng.

Nếu nói chung thì sáu đường đều có sinh ấm. Ở đây y cứ theo cõi người, nên đầu tiên nói khởi ba phiền não, kế là nói bốn điên đảo, vì thế mới bị trói buộc. Chẳng được hỏi rằng: Vì niệm niệm diệt nên không có trói buộc. Ba phiền não là ái, sân và cho rằng mình có, đây là ngã kiến, cũng gọi là Si.

Từ câu: “Người này v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói về Giải thoát.

Đoạn trên nêu bốn pháp là gần gũi, nghe pháp, suy nghĩ và tu hành, như văn kinh có nói.

Từ câu: “Bồ-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là phen hỏi đáp thứ hai. Trước là hỏi, có hai đoạn: 1/ Lập nghịch dụ, nêu trong hư không chẳng có gai, sau nêu ấm không trói buộc.

Ở trên Bồ-tát Đức Vương nói: “Tâm vốn không tham, làm sao tham dục buộc được tâm?” Tức là nghĩa này.

Phật đáp có hai là pháp và dụ. Thứ nhất nói theo lý thì vì nối nhau nên chẳng dứt, vì hư hoại nên vô thường, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng buộc chẳng mở, nếu chưa đạt được lý này thì có buộc có mở.

Nêu lên, nắm tay, nếu y cứ khi bàn tay hợp thì nói là nắm; khi bàn

tay rời thì nói là mở. Vốn khi chẳng hợp thì nói chẳng nắm chẳng mở. Vốn khi chẳng hợp thì nói chẳng nắm chẳng mở. Ba pháp như trói buộc, v.v... là thuộc ý này. Buộc là nói theo Giả, mở là nói theo Chân, chẳng buộc chẳng mở là nói theo Trung đạo. Đó là tướng ba Đế tức nhau.

Từ câu: “Bồ-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là phen hỏi đáp thứ ba, trước hỏi sau đáp.

Câu hỏi này gồm thấu cả câu đáp ở trên để lập ra. Ở trên nói danh sắc trói buộc chúng sinh, chúng sinh lại trói buộc danh sắc, danh sắc chỉ là chúng sinh, làm sao tự trói buộc được, như đao chẳng tự cắt. Cho nên bây giờ lại hỏi: Nếu chúng sinh chỉ là danh sắc thì lại là danh sắc trói buộc danh sắc, vì sao nói danh sắc trói buộc chúng sinh?

Từ câu: “Bồ-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là phen hỏi đáp thứ tư, như văn kinh có ghi.

Trong phần đáp có pháp, dụ và hợp. Thứ nhất, là pháp thuyết.

Bậc A-la-hán, hạt giống trói buộc đã tiêu nên không bị trói buộc, nhưng quả báo vẫn còn nên có trói buộc. Nhưng nói chưa thấy Phật tánh là vì nhìn từ Đại thừa thì Tử và quả đều là buộc, còn Tiểu thừa thì chẳng phải như thế.

Kế là dụ và hợp, như văn ghi.

Từ câu: “Bồ-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là phen hỏi đáp thứ năm, trước hỏi sau đáp.

Ý hỏi là: ở trước, Đức Phật dụ đèn là chúng sinh, dầu dụ cho phiền não, nay hỏi về lời này, có hai cách giải thích: 1/ Cho rằng đèn soi thấy các pháp; ánh sáng, dầu và vật hợp thành đèn sáng. Ánh sáng gọi là ánh sáng đèn, vật thì gọi là đèn; 2/ Cho rằng ánh sáng và dầu khác nhau, là lấy ánh sáng làm đèn, đèn thuộc về tánh lửa, dầu là tánh ướt. Ở đây muốn dùng ý sau để hỏi đèn và dầu, hai tánh khác nhau; còn chúng sinh và phiền não thì chẳng khác, vì sao lại dụ như thế?

Phật đáp đầu tiên nêu tám dụ, sau hợp với dụ về đèn. Tám dụ được chia làm hai: Trước là nêu chương, kế là giải thích.

Từ nhỏ hướng đến lớn là thuận dụ, từ lớn trở về nhỏ là nghịch dụ; hiện là dùng việc ở hiện tại làm hiện dụ. Các dụ thuận nghịch ở trước cũng là việc hiện tại; trừ hiện sự của dụ thuận nghịch, còn các hiện sự khác đều chẳng phải cùng một loại; đầu tiên là trước dụ sau hợp; sau đó tức trước nêu pháp, sau nêu dụ. Tiên hậu dụ (dụ trước sau) thì có thể tự hiểu. Biến dụ là dụ từ khi khởi đầu cho đến lúc cuối cùng.

Từ câu: “Bồ-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là đoạn lớn thứ tư nói về Tu đạo. Đã bị trói buộc, làm sao để thoát? Cho nên mới nói về tu

đạo để thoát khỏi sự trói buộc. Văn có bốn phen hỏi đáp: Thứ nhất nói đạo để tu, thứ hai chánh thức nói về tu đạo, thứ ba nói về dụng của Tu đạo, thứ tư là khuyên tu. Bốn việc này theo thứ lớp như sau: Các pháp tuy rất ráo “không”, nhưng có đạo để tu, cho nên có chánh tu, tu thì dứt hoặc, vì thế khuyên tu. Phen thứ nhất có ba câu hỏi đáp.

Đầu tiên là hỏi năm ấm và chúng sinh, nhân pháp đều “không”, vì sao lại có tu?”

Phật trả lời các tâm đều niệm niệm nối nhau chẳng dứt, tuy niệm niệm diệt, nhưng phiền não mãi mãi lúc nào cũng nối nhau, cho nên có tu.

Vì thế, thứ hai lại hỏi niệm niệm diệt thì đâu cần tu đạo?

Phật đáp tuy có niệm niệm diệt, nhưng cũng được nói về tu đạo; như đèn sáng tuy niệm niệm diệt mà phá trừ tối tăm.

Từ câu: “thầy nói v.v...” trở xuống là dùng ý nghĩa để giải thích.

Thầy nói không lớn thêm thì chẳng đúng. Lại nêu sáu dụ, đều nói có lớn thêm.

Phen hỏi thứ ba, lại gồm sáu dụ để hỏi: Tuy niệm niệm diệt mà phá được tối tăm v.v... tu đạo cũng như thế, đầu tiên tuy chưa viên mãn, nhưng lâu ngày sẽ phá được hoặc. Bồ-tát Sư Tử Hống nhân các dụ ấy mà hỏi: Như hàng Sơ quả có năm ấm thiện lẽ ra phải tương tự nối nhau sinh vào cõi nước thanh tịnh, chứ đâu thể sinh vào nhà mồ ở cõi nước ác?

Đức Phật đáp rằng tuy sinh vào cõi nước xấu ác, nhưng chẳng mất tên, tên tức vô lậu, vô lậu thì thường hằng còn mãi, còn ấm thì chẳng như thế, thiện ấm hay ác ấm đều do nghiệp mà có, chẳng phải do pháp vô lậu vơi lấy. Đức Phật trả lời là chẳng nương tựa, tuy sinh vào cõi nước ác mà chẳng làm ác là do năng lực vô lậu giữ gìn.

Trong phần trả lời, trước là pháp thuyết.

Nêu cả sáu dụ: Hương sơn dụ cho thân đầu tiên, Sư tử dụ cho kiến đế vô lậu, núi Tuyết dụ cho năm ấm ác, chim thú dụ cho các pháp ác. Lại Hương Sơn dụ cho ấm thiện, núi Tuyết dụ cho ấm ác, chim thú ở núi Tuyết đều chẳng dám ở, là dụ ở trong hai cõi nước thiện ác đều chẳng sinh pháp ác. Ở đây thiếu nghĩa của hai nhân tập và báo. Tập nhân thì chủng loại tương tự, thường sinh, chẳng bao giờ làm ác; còn báo nhân dẫn dắt đến quả dị loại, nên đọa vào cõi nước ác. Người là dụ cho vị Tu-đà-hoàn, sản nghiệp to lớn dụ cho kiến đế vô lậu, có khả năng dứt hoặc; chỉ có một người con dụ cho Sơ quả. Vả lại, trong hai đạo kiến tư chỉ có kiến đạo, nên nói “chỉ có một người con”; chết sớm là dụ cho

kiến đế vô lậu chẳng hiện tiền, xuất quán thì chẳng có; nhờ tư duy vô lậu mà kiến đế sinh, cho nên nói người con ấy lại có một đứa con; tư duy vô lậu hướng về kiến đế nên gọi là “ở phương xa”; bỗng nhiên qua đời là dụ cho vị Tu-đà-hoàn bảy lần sinh đã hết; người cháu nghe tin trở về nhận lãnh sản nghiệp là dụ cho việc trong đạo suy nghĩ, lại thừa kế công năng của kiến đế ở trước. Tuy biết tài sản chẳng do đứa cháu làm ra tức nói kiến đế vô lậu chẳng phải vô lậu trong đạo suy nghĩ. Không ngăn cản là nói kiến hoặc tư hoặc tuy khác mà đồng là một vô lậu.

Từ câu: “Sư Tử Hống bạch rằng v.v...” trở xuống là đoạn hai, chánh thức nói về tu đạo; có hai, đầu tiên là nói về nhân duyên tu đạo, kế là nói về nhân duyên tu đạo, lại chia làm hai: Giải thích và luận nghĩa. Đầu tiên nêu kệ để hỏi. Hai câu đầu là tu đạo, hai câu sau là đắc quả; tu được ba phẩm thì được quả không lui sụt, ba phẩm là nhân gần, Đại Niết-bàn là quả. Thứ nhất nêu kệ để hỏi.

Trong lời đáp có ba phen giải thích: 1/ Chân ngụy đối luận; 2/ Chỉ nói phá ác; 3/ Chỉ nói sinh thiện. Chân ngụy đối luận có hai: Trước nói ngụy, sau nói chân.

Về ngụy có ba phẩm là: 1/ Hạ hạ tức một bề chẳng thể thọ trì giới cấm; 2/ Hạ trung tức sợ đường ác khổ nên giữ giới; 3/ Hạ thượng là vì độ thoát khổ não cho chúng sinh nên giữ giới. Cả ba đều là ngụy, nay y cứ theo ba hạng này còn chẳng đạt được.

Kế là nói về chân.

Biết các pháp không mà giữ giới; vì các chúng sinh mà cầu quả Phật, quả không thật có. Chúng sinh còn không hướng chi là có quả Phật? Đó gọi là giữ giới chân thật.

Kế là nói phá mười sáu ác luật nghi; tức y cứ theo diệt ác, lại giải thích ba phẩm.

Khôi quái: xưa cho là người bán thịt cá, hoặc là người dùng gậy để đánh đập. Tam-muội Vô thân, vì tu không định diệt sắc, nên nói là vô thân. Vô biên tâm là định Thức xứ, Tịnh Tụ tức là chỗ Bất dụng. Thế biên tức phi tướng định, định này biết được tám muôn kiếp và lấy đây làm bờ mé. Vả lại, Phi tướng còn ở trong ba cõi nên gọi là Thế biên. Thế đoạn, nghĩa là ngoài tám muôn kiếp thì chẳng thể biết, liền cho là đoạn. Thế tánh tức là minh sơ, là bản tánh của thế gian. Thế trượng phu, tức là dùng sức định mà thấy được tướng trượng phu trong nước, tức là Tỳ-nữu. Phi tướng Phi phi tướng tức là trời quán Tôn vong, là thể của định.

Từ câu: “Người tu tập giới v.v...” trở xuống là đoạn ba, y cứ theo

sinh thiện để giải thích ba phẩm.

Các hữu tức ba hữu, hai mươi lăm hữu; các cõi tức ba cõi cho đến mười tám cõi; các đế là sáu đế cho đến hai mươi lăm đế.

Từ câu: “Bồ-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói về nghĩa. Nhân trước nói tu đạo nên thấy Phật tánh được Bồ-đề Niết-bàn, nên nay gạn hỏi về Niết-bàn và Phật tánh. Gồm có bảy phen hỏi đáp, ba phen đầu hỏi về Niết-bàn, phen thứ tư hỏi về Phật tánh.

Đầu tiên nói chẳng sinh diệt là Niết-bàn, vậy thì phàm phu chẳng sinh diệt, lẽ ra cũng gọi là Niết-bàn. Phàm phu một đời từ sinh đến già chẳng còn sinh nữa nên nói là chẳng sinh, mà chưa diệt nên gọi là chẳng diệt, loại chẳng sinh diệt này có phải là Niết-bàn chẳng? Lại nói rằng nếu dùng tướng sinh trong ba tướng để hỏi, như trong một niệm này, thì sinh đã sinh nên gọi là chẳng sinh, lại chưa diệt nên nói là chẳng diệt, nghĩa này có phải là Niết-bàn chẳng?

Trong lời đáp, đầu tiên xác định, thuật lại lời hỏi, sau giải thích chẳng phải Niết-bàn, vì có thể chung. Lại cũng cần nói chung cho hai lời giải ở trên để thành nghĩa thể chung, tức nói mới sinh là thể, mạng hết là chung. Một niệm gồm ba tướng, trong đó tướng sinh cũng như thế; mới khởi là thể, niệm diệt là chung.

Từ câu: “Bạch Thế Tôn! v.v...” trở xuống là câu hỏi thứ hai.

Ở đây muốn nói rõ pháp sinh tử cũng không có thể chung, vì mười hai nhân duyên trôi lăn chẳng dừng trụ, thì làm sao có thể chung?

Phật trả lời pháp sinh tử có nhân quả, mười hai nhân duyên trôi lăn chẳng dừng trụ, hai nhân quá khứ sinh năm quả hiện tại, nên chẳng phải Niết-bàn.

Phen gạn hỏi thứ ba, ý muốn nói trong Niết-bàn cũng có nhân quả, tu tập Giới, Định, Tuệ đạt được Niết-bàn, đó há chẳng phải là nhân quả hay sao?

Phật đáp Niết-bàn có nhân mà chẳng có quả; lại là quả mà chẳng phải là sở đắc. Lại Phật tánh là nhân Niết-bàn mà chẳng sinh quả Niết-bàn.

Thứ hai gồm bốn phen hỏi đáp để nói về nghĩa Phật tánh, phen thứ nhất y cứ theo cộng hữu và bất cộng hữu để hỏi. Trước là nêu hai chương, sau là giải thích.

Phật trả lời, có pháp và dụ.

Nói chẳng phải một, nên chẳng cùng chung; chẳng phải hai, nên chẳng có riêng. Tuy thế, nhưng tất cả chúng sinh đều đồng có. Các sư Địa luận cho rằng: “Tất cả chúng sinh đồng một thức A-lê-da, là thể

tánh của pháp giới”, nếu thế thì một người được lẽ ra nhiều người cùng được! Các sư luận Thành Thật cho rằng: “Mỗi chúng sinh đều có Phật tánh, nhưng khi thành Phật thì quyền trí bình đẳng đồng nhất với Pháp thân, mười Lực, bốn Vô úy v.v... cũng như vậy”. Nếu thế thì Phật tánh có thể tính đếm, là vô thường, chính là gạn hỏi ý này. Nhưng Phật tánh bình đẳng chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải chung chẳng phải riêng; cũng như hôm nay, người tu hành giữ giới, chẳng phải một, chẳng phải khác, mỗi người đều tu thì đâu phải là một? Ta hiểu thì người hiểu, người hiểu thì ta hiểu, cho nên chẳng khác. Vả lại, năm loại Phật tánh chẳng phải một, chẳng phải khác, như chúng sinh bình đẳng đồng có, chẳng lẽ là khác ư? Năm loại khác nhau thì đâu thể là một?

Trong năm loại Phật tánh, chúng sinh có được mấy tánh? Đáp: Có chúng sinh có đủ và có chúng sinh chẳng có; chúng sinh không có trí quán thì không thể phát cảnh, không có trí phát cảnh cũng không có nhân cảnh quán, đã không có nhân thì đâu có quả và quả quả. Đã không có nhân quả, thì đâu có phi nhân phi quả. Nói chúng sinh có đủ là vì sẽ được, từ duyên mà hiện, nên nói có đủ, hôm nay tuy không, nhưng vị lai sẽ có.

Phen gạn hỏi thứ hai, nêu dụ cỏ nhẩn nhục.

- Nếu nói một người tu rồi thì những người khác cũng có được. Phật đáp Phật tánh là một, thuận theo nhiều người, ai tu thì được, không hề ngại nhau.

Phen hỏi đáp thứ ba.

Nếu như nhiều người đi trên đường thì người đi sau bị chướng ngại, Phật tánh cũng như thế, người tu trước chướng ngại người tu sau.

Phật đáp là như đường, cầu, thầy thuốc đều chỉ lấy một phần ng-hĩa, chứ con đường chánh đạo chẳng phải như thế.

Câu hỏi thứ tư.

Sáu đường thân tướng chẳng phải một, vì sao nói là cùng có một Phật tánh?

Phật đáp: Hòa thuốc độc vào sữa, mà năm vị đều có thể giết người, Phật tánh cũng như thế, cùng khắp tất cả mọi nơi.

Từ câu: “Bạch Thế Tôn! v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói về nhân duyên tu đạo. Trước nói về duyên, sau nói về nhân. Nói duyên gồm có bốn xứ duyên, thời duyên và nhân duyên. Chẳng có xứ, chẳng có trời, chẳng có Thiện tri thức thì chẳng được, nên nói đợi thời, đợi xứ, đợi bạn. Xứ có hai là thành và cây, thành có hai, là trước hỏi, sau đáp.

Hỏi: Đã có sáu thành lớn, vì sao Như Lai đến thành nhỏ hẹp

này?

Đáp có hai: Trước quả trách, sau giải thích. Đầu tiên là quả trách người hỏi.

Nơi Đức Phật cư trú chẳng nên nói là nhỏ hẹp. Nêu ba dụ để so sánh Như Lai là bậc tôn quý trong loài người, nơi cư trú của người quân tử đâu có nhỏ hẹp!

Từ câu: “Ta nhớ khi xưa v.v...” trở xuống là phần thứ hai, chánh giải thích, có hai ý: Báo ân đất, trừ tà đảng. Báo ân có ba ý báo đáp phát tâm, báo đáp bốn tâm vô lượng, báo đáp hồng thệ.

Kế là trừ dẹp tà đảng, có hai: 1/ Cùng khắp sáu thành lớn; 2/ Nói đến đây hàng phục, đã rõ biết tà hết, chánh cũng hết, tức vắng lặng Niết-bàn; sáu thành gồm sáu chương. Thứ nhất là đến Vương xá.

Ngoại đạo nào loạn dụ dỗ chúng sinh, khiến bị đọa vào ba đường ác, nên phải đến đó để đuổi trừ. Hơn nữa Vua có mời, Phật chẳng thể trái lời, nên đến thành Vương xá; ngoại đạo tự biết pháp thuật của mình cạn thấp, nên mới chạy đến Xá-vệ, Đức Phật nhân đó giáo hóa ba anh em Ca-diếp và hai vị Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên.

Từ câu: “Bấy giờ, v.v...” trở xuống là thứ hai, đến thành Xá-vệ đuổi ngoại đạo. Văn có hai đoạn: 1/ Nói nguyên do đến; 2/ Cùng thử thần lực, chánh thức nói về việc đến nơi ấy.

Các ngoại đạo ở thành Vương xá chẳng dám chống cự, nên đến thành Xá-vệ tìm cách đối luận. San-đàn-na, Hán dịch là Hộ di, người ở thành Vương xá. Kỳ-đà, Hán dịch là Thắng Thị; Tu-đạt-đa, Hán dịch là Thiện Ôn, người ở thành Xá-vệ.

Hỏi: Đức Phật vang tiếng khắp mười phương, Tu-đạt-đa là một trong sáu đại Cư sĩ, vì sao trong đêm cưới vợ cho con mới nghe danh hiệu Phật?

Đáp: Chẳng phải không nghe gì, nhưng như trong tiếng sóng gầm thét mà nghe, như qua bụi mù mịt mà thấy. Hôm nay khi căn cơ đối với đạo pháp đã thuần thục nên vừa nghe thì toàn thân nổi gai ốc.
